

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

cảm gì với bà Th nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/02/2012. Ông đồng ý giao con chung cho bà Th nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Viêt Th trình bày:

Bà là vợ ông Lê Th P. Năm 2013, ông bà đã ly thân với nhau, bà và con gái là Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/02/2012 đã về sinh sống cùng cha mẹ tại xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý, tuy nhiên, do bà theo đạo nên không thể lên Tòa ký biên bản ly hôn được.

Nay bà có nguyện vọng được nuôi con chung là Lê Nguyễn Tường V. Việc ông P có ý kiến cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng thì bà đồng ý. Về tài sản, nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P: Ông P được ly hôn với bà Th; đề nghị giao con chung là cháu Lê Nguyễn Tường V cho bà Th nuôi dưỡng, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Th P và bà Nguyễn Thị Viêt Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Th P, bà Nguyễn Thị Viêt Th tự nguyện chung sống năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, ông bà thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Ông P cho rằng sau khi kết hôn ông bà chỉ hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2014 ông bà bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; vợ chồng thường xảy ra cãi vã, gây gổ, xúc phạm lẫn nhau. Từ khoảng tháng 02/2014 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay ông không còn tình cảm gì với bà Th nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do bà là

người theo đạo nên bà không lên tòa để ký biên bản ly hôn được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông P, bà Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà Th là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/02/2012; do gia đình bà theo đạo nên bà không đồng ý cho cháu V đến Tòa án để trình bày ý kiến, cũng không đồng ý để Tòa án lấy lời khai của cháu V. Xét thấy, cháu V từ trước đến nay sinh sống cùng bà Th, do bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng; ông P cũng đồng ý giao cháu V cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cháu V cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ghi nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Ông P, bà Th trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Ông P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Th P.

1. Chấp nhận cho ông Lê Th P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Viết Th.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 193 ngày 12/12/2011 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Lê Th P và bà Nguyễn Thị Viết Th không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Viết Th trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Lê Th P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000

đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Lê Th P được quyền thăm nom con chung, nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thị Viết Th.

Khi có lý do chính đáng, ông Lê Th P và bà Nguyễn Thị Viết Th có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Th P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006861 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND **phường, xã, thị trấn**;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương